

Báo cáo Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Tài chính

Hà Nội, Tháng 10/2026

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính

KINH TẾ VIỆT NAM TĂNG TỐC DO ĐÂU?

- ◆ PHẦN 1

TÓM TẮT

- ◆ PHẦN 2

KINH TẾ THẾ GIỚI

- ◆ PHẦN 3

KINH TẾ VIỆT NAM

- ◆ PHẦN 4

PHỤ LỤC

Tóm tắt

Kinh tế Thế giới:

- ▶ Giá dầu nhiều dự báo tiếp tục neo cao do căng thẳng Mỹ-Iran khó sớm được giải quyết, chi phí vận chuyển từ Trung Đông vẫn đắt đỏ và rủi ro nhu cầu nhập khẩu từ Trung Quốc phục hồi trở lại
- ▶ Dầu Diesel tiếp tục là điểm nghẽn đáng lo ngại khi chênh lệch giá với Brent vượt 80 USD/thùng (so với <10 USD/thùng năm 2025), làm gia tăng rủi ro lạm phát thông qua chi phí vận tải và sản xuất
- ▶ Chúng tôi nhận thấy rủi ro lạm phát vẫn nằm ở phía trước khi giá diesel tại Mỹ và EU đã tăng hơn 70% và 37% kể từ trước xung đột nhưng lạm phát lõi mới chỉ nhích lên 2,6%, cho thấy áp lực chi phí vẫn đang tích tụ trong nền kinh tế
- ▶ Trong khi thị trường đang định giá kịch bản điều hâu hơn với thêm các đợt tăng lãi suất, chúng tôi cho rằng mức độ lan tỏa của cú sốc năng lượng còn chưa đủ rõ để các NHTW đẩy nhanh quá trình thắt chặt. Dự kiến Fed và ECB sẽ chỉ có thêm 1 lần tăng trong cuối năm nay và sau đó sẽ tạm dừng để quan sát

Kinh tế Việt Nam:

- ▶ GDP quý 3 tăng gần 10% YoY và Quý 4 sẽ cần tăng khoảng 12,5-13% để đạt mục tiêu 10% cả năm. Chúng tôi tin rằng con số này có thể đạt được nhờ: Xuất khẩu điện tử, FDI và đầu tư công được kỳ vọng tiếp tục dẫn dắt, qua đó hỗ trợ GDP 2026 đạt khoảng 9,5%
- ▶ Làn sóng AI toàn cầu tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu điện tử Việt Nam cả về sản lượng lẫn đơn giá, với điện tử tăng 75% YoY trong tháng 9, máy tính và linh kiện tăng 113%, qua đó củng cố kỳ vọng xuất khẩu tiếp tục duy trì tăng trưởng hai chữ số thời gian tới
- ▶ Không chỉ tăng về lượng, dòng vốn FDI vào Việt Nam đang cải thiện về chất khi ngày càng tập trung vào điện tử, bán dẫn và các khâu giá trị gia tăng cao, tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn
- ▶ Giải ngân đầu tư công tăng 49,3% YoY lên 657 nghìn tỷ đồng trong 9T2026 và được kỳ vọng tiếp tục tăng tốc, qua đó hỗ trợ tăng trưởng ngắn hạn và mở đường cho chu kỳ đầu tư mới với quy mô vốn công - tư giai đoạn 2026-2030 cao hơn 91% so với giai đoạn trước
- ▶ Chúng tôi nâng dự báo lạm phát trung bình cả năm 2026 lên vùng 4,7% trong bối cảnh giá dầu vẫn còn nhiều rủi ro neo cao
- ▶ Thanh khoản hệ thống nhìn chung vẫn ổn định dù lãi suất liên ngân hàng 2-3 tháng còn ở mức 6,5-7,8%; trong bối cảnh đầu tư công được đẩy mạnh và NHNN còn nhiều dư địa hỗ trợ, chúng tôi kỳ vọng lãi suất huy động sẽ duy trì mặt bằng ổn định đến hết năm 2026
- ▶ Tỷ giá USD/VND được kỳ vọng duy trì ổn định quanh 26.000 đến cuối năm, chỉ mất giá khoảng 1% so với cuối 2025, nhờ chênh lệch lãi suất VND-USD trên 3 điểm %, FDI giải ngân kỷ lục 21,1 tỷ USD (+12% YoY) và dòng kiều hối tích cực

Kinh tế thế giới

Giá dầu nhiều khả năng sẽ tiếp tục neo ở mức cao khi chi phí vận chuyển từ Trung Đông vẫn đắt đỏ trong bối cảnh các thỏa thuận ngừng bắn còn nhiều bất định. Dù tăng trưởng toàn cầu vẫn được nâng đỡ bởi làn sóng đầu tư AI, phần còn lại của nền kinh tế đang chịu áp lực ngày càng lớn từ chi phí năng lượng và sự suy giảm sức mua của người tiêu dùng. Khi tác động của cú sốc dầu lên lạm phát vẫn còn, chúng tôi cho rằng Fed và ECB có thể lựa chọn thêm một lần tăng lãi suất trước khi tạm dừng để quan sát.

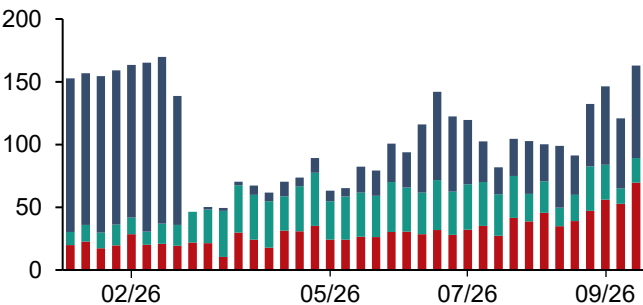
Lượng dầu từ Trung Đông đã gần trở lại mức trước chiến tranh, nhưng bất định về thỏa thuận giữa Mỹ-Iran và chi phí vận chuyển cao vẫn duy trì áp lực lên giá của mặt hàng này

Dù nguồn cung dầu từ Trung Đông đã phục hồi đáng kể, với lưu lượng xuất khẩu hiện đạt khoảng 76% mức trước xung đột Mỹ-Iran theo dữ liệu Kpler, thị trường năng lượng toàn cầu vẫn chưa thực sự hạ nhiệt. Tính đến ngày 15/10/2026, giá dầu Brent, loại dầu thô được sử dụng làm tham chiếu cho phần lớn giao dịch dầu quốc tế, vẫn cao hơn khoảng 42% so với trước chiến tranh. Diễn biến này phản ánh phần bù rủi ro địa chính trị và chi phí vận chuyển, bảo hiểm vẫn ở mức cao, hàm ý nguồn cung vẫn chưa thực sự bền vững. Trong những tháng tới, chúng tôi cho rằng căng thẳng Mỹ-Iran khó hạ nhiệt đáng kể, với 3 nguyên nhân. **Thứ nhất**, Mỹ và Iran khó đạt được một thỏa thuận chung. Cụ thể, Mỹ muốn kiểm chế chương trình hạt nhân của Iran nhưng tránh cú sốc giá dầu; Iran lại muốn giảm leo thang nhưng giữ chương trình hạt nhân. Vì vậy, căng thẳng khó sớm hạ nhiệt và trạng thái giằng co nhiều khả năng tiếp diễn. **Thứ hai**, phần lớn dòng chảy dầu mỏ của Trung Đông hiện phụ thuộc vào các tuyến thay thế và hoạt động trung chuyển, trong đó dầu được các tàu nhỏ đưa qua khu vực rủi ro trước khi chuyển sang tàu lớn bên ngoài vùng Vịnh. Sự phụ thuộc này khiến chi phí vận tải và bảo hiểm tiếp tục neo ở mức cao. Ngay cả các tuyến thay thế cũng không hoàn toàn an toàn, như vụ tấn công khiến đường ống Đông-Tây của Ả Rập Xê-út phải tạm ngừng hoạt động trong tháng 9. Trong bối cảnh căng thẳng Mỹ-Iran vẫn còn, hai điểm nghẽn này nhiều khả năng sẽ còn kéo dài trong những tháng cuối...

Hình 1: Lượng dầu xuất khẩu từ Trung Đông

Đơn vị: triệu thùng, dữ liệu theo tuần

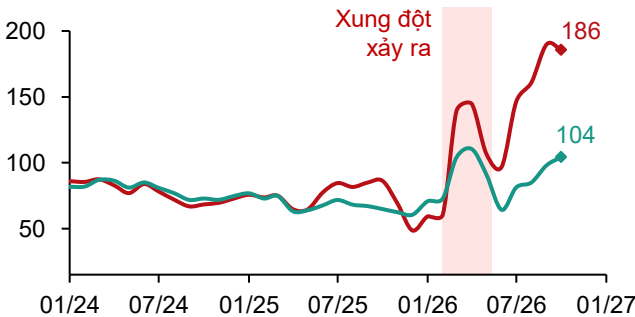
■ Eo biển Hormuz ■ Biển Đỏ ■ Vịnh Oman



Hình 2: Giá dầu diesel và dầu thô Brent

Đơn vị: USD/thùng¹, dữ liệu trung bình tháng

— Diesel (ICE Low Sulphur Gasoil) — Brent



Ghi chú: 1: Quy đổi đơn vị dầu diesel từ USD/tấn thành USD/thùng bằng tỷ lệ 7,45

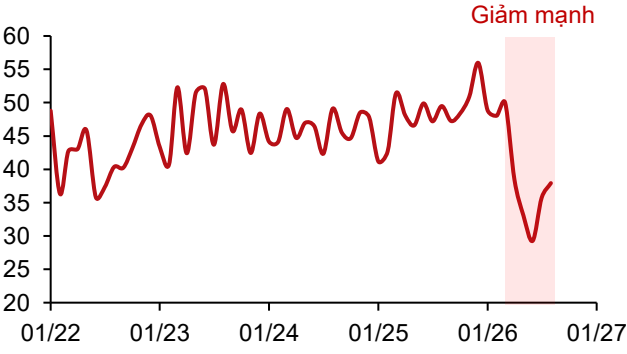
Nguồn: Refinitiv, Kpler, WSJ, Phân tích của TCB CIBG Research

Kinh tế thế giới (tiếp)

.. năm. **Và cuối cùng**, Trung Quốc có thể trở thành yếu tố đẩy giá dầu tăng trở lại. Việc quốc gia nhập khẩu dầu thô lớn nhất thế giới giảm mua trong thời gian qua đã phần nào kiềm chế đà tăng giá; ngược lại, nếu Trung Quốc quay trở lại mua dầu và duy trì đà tăng nhập khẩu trong nhiều tháng, giá dầu có thể đối mặt với một làn sóng tăng mới. **Bên cạnh đó, một rủi ro đáng lo ngại hơn nằm ở thị trường diesel.** Giá diesel hiện duy trì ở mức cao bất thường so với dầu Brent. Cụ thể, chênh lệch giữa hai mặt hàng này nói rộng lên khoảng hơn 80 USD/thùng vào tháng 9, cao hơn đáng kể mức bình quân dưới 10 USD/thùng của năm 2025. Đây là một tín hiệu đáng lưu ý bởi diesel là nhiên liệu đầu vào của vận tải đường bộ, hàng hải, xây dựng và nhiều hoạt động công nghiệp. Khi giá diesel duy trì cao, chi phí logistics và sản xuất cũng bị đẩy lên tương ứng. Trong ngắn hạn, doanh nghiệp vẫn có thể hấp thụ một phần chi phí gia tăng nhưng nếu giá diesel neo cao kéo dài, doanh nghiệp có thể phải điều chỉnh giá bán, tạo áp lực lên tiêu dùng. Tính đến thời điểm hiện tại, nguồn cung diesel vẫn chịu áp lực từ công suất lọc dầu chưa được khôi phục hoàn toàn sau các cuộc tấn công nhằm vào các cơ sở năng lượng tại Trung Đông từ tháng 3/2026. Ngay cả trong trường hợp các cuộc tấn công chấm dứt, quá trình khôi phục hoàn toàn công suất vẫn cần thời gian; còn khi rủi ro an ninh vẫn hiện hữu, tiến độ này nhiều khả năng sẽ còn chậm hơn. Mặc dù đã xuất hiện một số tín hiệu tích cực gần đây như việc Nga nối lại xuất khẩu diesel hay các quốc gia lớn xả kho dự trữ, chúng tôi cho rằng đây chủ yếu là biện pháp giảm nhiệt tạm thời. Lượng nhiên liệu đang được đưa ra từ kho dự trữ hiện nay sớm muộn cũng phải được mua bù trở lại, qua đó tiếp tục tạo lực đỡ cho giá nhiên liệu. Nhìn chung, những lo ngại về thiếu hụt năng lượng nghiêm trọng như những tháng đầu xung đột đã giảm bớt, nhưng thị trường vẫn còn cách khá xa trạng thái bình thường và hệ quả tất yếu là thế giới nhiều khả năng sẽ phải thích nghi với một mặt bằng giá năng lượng cao hơn trong thời gian dài.

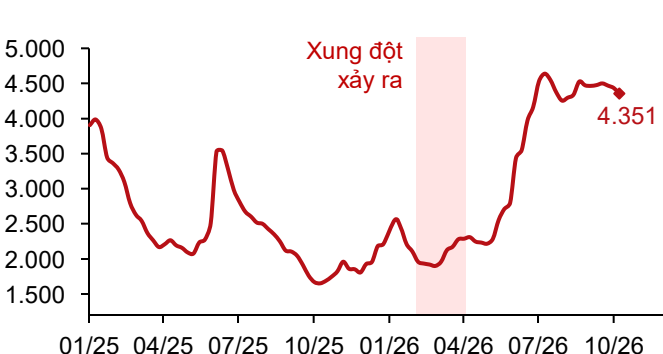
Hình 3: Nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc

Đơn vị: Triệu tấn, dữ liệu hàng tháng



Hình 4: Chỉ số cước vận tải đường biển toàn cầu

Đơn vị: Đơn vị: USD/container 40 feet, chỉ số từ Drewry

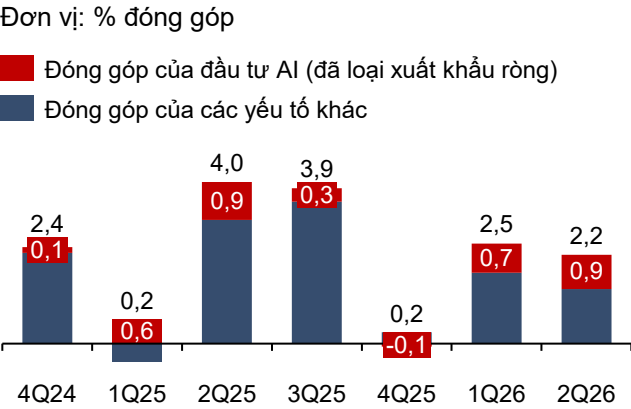


Kinh tế thế giới (tiếp)

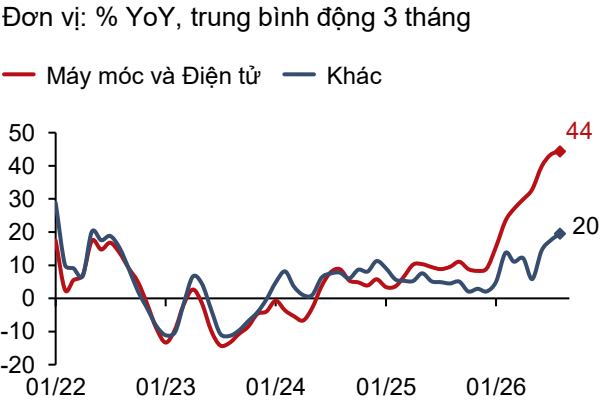
Dù giá năng lượng neo cao, tăng trưởng toàn cầu vẫn được hỗ trợ bởi AI nhưng các lĩnh vực còn lại đối mặt sức ép từ chi phí cao

Cú sốc năng lượng xảy ra ngay sau cú sốc thuế quan đã từng đẩy lên nhiều lo ngại về một đợt suy thoái có thể xảy ra. Tuy nhiên, như đã phân tích kỹ ở [báo cáo tháng trước](#), kinh tế thế giới vẫn cho thấy khả năng chống chịu đáng kể nhờ vào hiệu ứng lan tỏa từ làn sóng AI sang hoạt động đầu tư và sản xuất. Cụ thể, AI không chỉ thúc đẩy một chu kỳ đầu tư quy mô lớn vào trung tâm dữ liệu mà còn hỗ trợ hoạt động xuất khẩu các sản phẩm điện tử tại nhiều nền kinh tế châu Á. Bên cạnh đó, đà tăng của cổ phiếu công nghệ tiếp tục củng cố hiệu ứng tài sản đối với nhóm hộ gia đình có thu nhập và tài sản cao tại Mỹ, qua đó hỗ trợ sức chi tiêu. Điều này phần nào phản ánh qua cơ cấu tiêu dùng gần đây, trong 3 quý gần nhất, tiêu dùng trong GDP Mỹ liên tục tập trung ở các nhóm dịch vụ y tế, du lịch quốc tế và thiết bị công nghệ, vốn thuộc những hạng mục có giá trị cao trong rổ chi tiêu. Cho thấy sức cầu của khu vực hộ gia đình nhìn chung vẫn được nâng đỡ bởi nhóm người tiêu dùng có khả năng chi trả cao bất chấp các bất định về địa chính trị

Hình 5: Đóng góp AI vào GDP Mỹ



Hình 6: Xuất khẩu của Trung Quốc



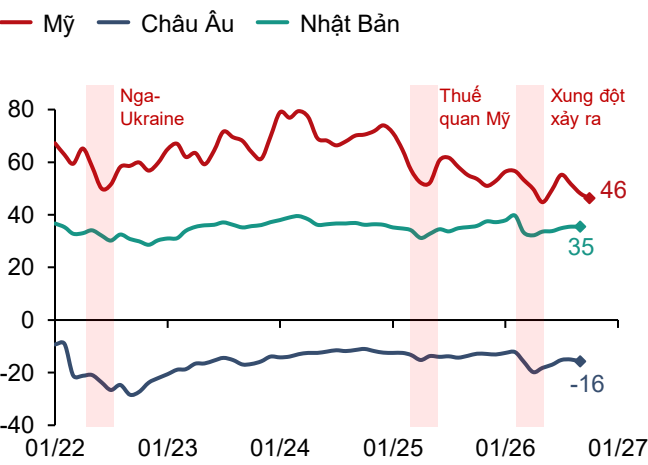
Trong khi các lĩnh vực hưởng lợi từ làn sóng AI vẫn duy trì được đà tăng trưởng, câu hỏi đặt ra là phần còn lại của nền kinh tế toàn cầu đang hấp thụ cú sốc năng lượng và thuế quan ra sao. Các dữ liệu gần đây cho thấy câu trả lời nhiều khả năng nằm ở sự giảm tốc hơn là khả năng thích ứng mạnh mẽ như những gì đang diễn ra trong khu vực công nghệ. Cụ thể, chỉ số niềm tin người tiêu dùng tại các nền kinh tế lớn vẫn ở vùng thấp và hầu như chưa cho thấy dấu hiệu cải thiện, với Mỹ ở mức 46 điểm, gần bằng đáy lịch sử trong tháng 5/2026 và khu vực châu Âu ở mức -16 điểm. Điều này cho thấy các hộ gia đình vẫn thận trọng chi tiêu khi chi phí sinh hoạt tăng lên. Xu hướng này cũng phản ánh rõ trong nhu cầu nhập khẩu hàng hóa. Nếu loại trừ nhóm điện tử - các sản phẩm liên quan đến chuỗi cung ứng AI, tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa của nhiều nền kinh tế lớn đã chậm lại đáng kể so với mức trung bình của năm 2025. Tại Mỹ, EU và Nhật Bản, tăng trưởng nhập khẩu...

Kinh tế thế giới (tiếp)

...những nhóm hàng hóa ngoài điện tử hiện chỉ đạt khoảng 3,9% YoY trong tháng 7, thấp hơn đáng kể so với mức tăng gần 30% của nhóm điện tử. Điều này cho thấy nhu cầu đối với các mặt hàng tiêu dùng và công nghiệp thông thường vẫn tương đối yếu. Theo chúng tôi, khi giá năng lượng tăng cao, phần lớn thu nhập của các hộ gia đình phải dành cho các khoản chi khó cắt giảm như nhiên liệu, điện và di chuyển, dẫn tới các khoản tiêu dùng khác sẽ cần cân đối lại. Tính từ cuối tháng 2, trước khi xung đột bùng phát, giá xăng dầu tại Mỹ và châu Âu đã tăng lần lượt khoảng 70% và 37%. Điều này buộc người tiêu dùng phải thu hẹp ngân sách cho các nhóm hàng hóa không thiết yếu nhưng quần áo, giày dép,... hay các khoản chi tiêu mang tính tùy ý khác. Nhìn chung, tăng trưởng toàn cầu vẫn được duy trì, nhưng ngày càng dựa vào AI, khiến nền bối cảnh dễ tổn thương hơn trước bất kỳ sự điều chỉnh nào của xu hướng này.

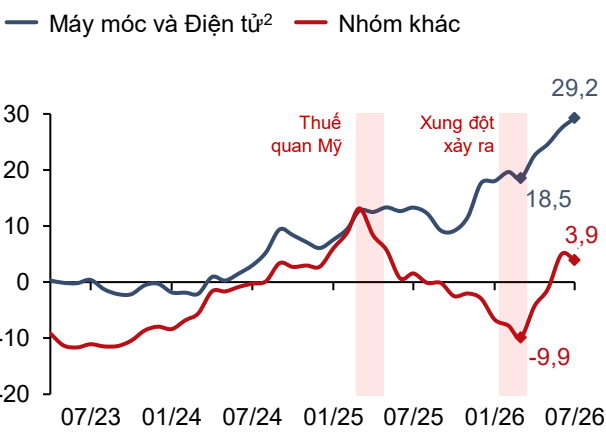
Hình 7: Chỉ số tâm lý người tiêu dùng

Đơn vị: Điểm



Hình 8: Tăng trưởng nhập khẩu theo hàng hóa

Đơn vị: % YoY, tổng của Mỹ, EU¹, và Nhật Bản, trung bình động 3 tháng



Áp lực từ năng lượng hiện không chỉ nằm ở tăng trưởng, mà còn lan sang lạm phát, lợi suất, và lãi suất

Chỉ cần nhìn vào các số liệu hiện tại có thể thấy phần lớn cú sốc dầu vẫn đang tập trung ở nhóm năng lượng. Tại Mỹ, lạm phát tháng 9 tăng lên 3,7% từ mức 3,4% của tháng 8, chủ yếu do giá xăng tăng hơn 9% chỉ trong một tháng, trong khi lạm phát lõi chỉ ở mức 2,6%, nhích lên từ 2,4% trong tháng trước và cao hơn dự báo. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy chưa đủ cơ sở để khẳng định đây là dấu hiệu cho thấy cú sốc năng lượng đang lan rộng, khi một phần đáng kể mức tăng đến từ tiền thuê nhà và một tháng dữ liệu riêng lẻ chưa phản ánh xu hướng. Song, điều này không đồng nghĩa rủi ro lan tỏa là thấp. Dữ liệu lịch sử cho thấy lạm phát lõi tại Mỹ thường phản ứng với biến động giá năng lượng sau khoảng 6-7 tháng, và độ trễ lần này có thể còn dài hơn do cú sốc...

Ghi chú: 1: Do hạn chế số liệu nên chỉ lấy dữ liệu 4 nước: Đức, Pháp, Hà Lan, và Tây Ban Nha; 2: HS Code 84 + 85
Nguồn: Refinitiv, Trademap, Phân tích của TCB CIBG Research

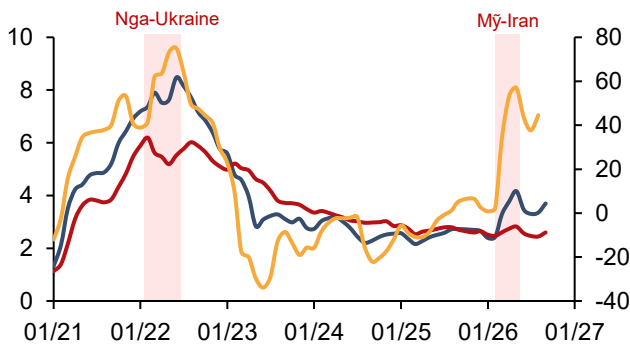
Kinh tế thế giới (tiếp)

....chủ yếu nằm ở diesel thay vì dầu thô hay xăng. Với vai trò là đầu vào của vận tải, nông nghiệp và xây dựng, giá diesel thường phải đi qua nhiều mắt xích của chuỗi cung ứng trước khi được phản ánh vào giá hàng hóa và dịch vụ cuối cùng. Hiện giá diesel tại Mỹ đã tăng hơn 70% so với trước xung đột, cho thấy áp lực chi phí vẫn đang tích tụ trong nền kinh tế. Trong khi đó, tại Eurozone, lạm phát năng lượng tháng 9 tăng 18,8% so với cùng kỳ, cao hơn đáng kể so với mức 2,5% của lạm phát lõi, cho thấy áp lực giá cũng vẫn chủ yếu tập trung ở nhóm năng lượng thay vì lan rộng sang phần còn lại của rổ giá tiêu dùng. Nhìn chung, việc giá năng lượng tiếp tục đẩy lạm phát tổng đi lên là điều tương đối rõ ràng, nhưng mức độ và tốc độ lan tỏa sang các nhóm hàng hóa cơ bản khác vẫn còn là dấu hỏi, đặc biệt tại Mỹ khi giá thuê nhà tăng bất ngờ trong 1 tháng. Chính sự không chắc chắn này đang dẫn đến những cách nhìn khác nhau về triển vọng chính sách tiền tệ.

Hình 9: Lạm phát lại Mỹ và mức tăng diesel

Đơn vị: % YoY

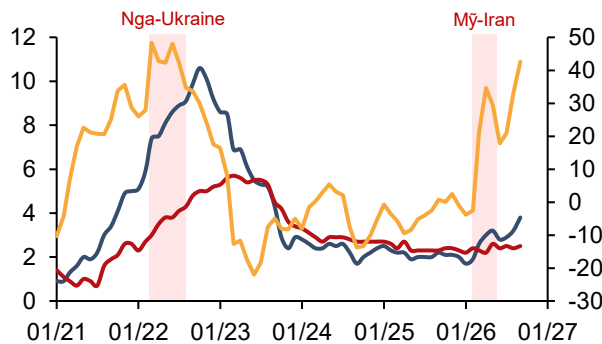
— CPI tổng, trái — Giá dầu diesel Mỹ, phải
— CPI cơ bản, trái



Hình 10: Lạm phát lại EU và mức tăng diesel

Đơn vị: % YoY

— CPI tổng, trái — Giá dầu diesel EU, phải
— CPI cơ bản, trái



Thị trường đang định giá thêm các đợt tăng lãi suất mới trong thời gian tới

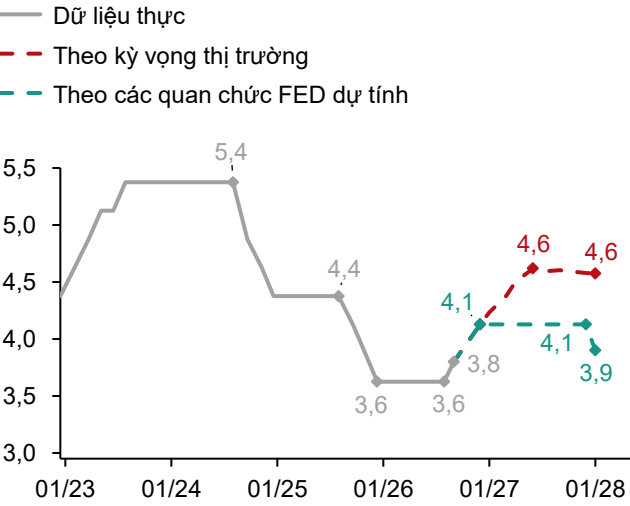
Với các tín hiệu lạm phát còn chưa đồng nhất như hiện nay, chúng tôi cho rằng các NHTW lớn nhiều khả năng sẽ duy trì cách tiếp cận thận trọng hơn là đẩy nhanh tốc độ thắt chặt. Giá dầu Brent vẫn dao động quanh 105 USD/thùng tính đến ngày 15/10, trong khi các áp lực từ năng lượng đang dần quay trở lại. Điều này đồng nghĩa rủi ro lạm phát tiếp tục gia tăng, đặc biệt tại những nền kinh tế nhạy cảm với biến động năng lượng như châu Âu. Tuy nhiên, bởi phần lớn áp lực hiện nay vẫn mang tính chi phí đẩy, việc phản ứng bằng các đợt tăng lãi suất liên tiếp và quyết liệt có thể không phải lựa chọn tối ưu vì cũng cần phải cân nhắc phía cầu khi đang có ít động lực để dựa vào hơn. Trong bối cảnh đó, chúng tôi cho rằng việc duy trì lãi suất ở vùng cao trong thời gian dài hơn để đánh giá mức độ lan tỏa của cú sốc năng lượng...

Kinh tế thế giới (tiếp)

....tới lạm phát lõi và tăng trưởng kinh tế có vẻ là phương án hợp lý hơn so với việc vội vã nâng lãi suất. Dẫu vậy, thị trường tài chính toàn cầu lại đang đưa ra một kịch bản điều hâu hơn đáng kể. Theo đó, lãi suất Fed có thể tăng thêm ít nhất 2 lần trong năm 2027, phản ánh niềm tin rằng lạm phát sẽ mất nhiều thời gian hơn để trở lại mục tiêu. Tại châu Âu, thị trường hiện đánh giá xác suất ECB tiếp tục tăng lãi suất vào cuối năm cao hơn đáng kể so với giữa mùa hè. Các quan chức ECB cũng liên tục nhấn mạnh rằng chính sách cần duy trì trạng thái thắt chặt trong thời gian đủ dài, ngay cả khi tăng trưởng kinh tế tiếp tục suy yếu. Theo quan điểm của chúng tôi, ECB và Fed có thể có thêm 1 đợt tăng lãi suất vào cuối năm nay và theo sau là một chuỗi thời gian tạm dừng để quan sát thay vì hành động với 2 lý do chính. **Thứ nhất**, áp lực lạm phát chưa hoàn toàn kết thúc. Các cú sốc năng lượng thường cần thời gian để lan tỏa từ nhóm nhiên liệu sang lạm phát lõi như đã phân tích ở trên. Trong bối cảnh đó, một đợt tăng lãi suất nữa có thể được xem như biện pháp phòng ngừa nhằm hạn chế rủi ro lạm phát tăng nóng. **Thứ hai**, các NHTW cần cân nhắc những rủi ro đối với thị trường lao động và tăng trưởng GDP, những thước đo về sức khỏe của nền kinh tế. Dù việc làm tại Mỹ và châu Âu gần đây vẫn chưa cho thấy dấu hiệu giảm tốc, tác động của giá năng lượng cao lên sản xuất và tiêu dùng có thể xuất hiện với độ trễ. Nếu giá năng lượng tiếp tục neo cao, lợi nhuận doanh nghiệp có thể chịu áp lực, kéo theo việc cắt giảm tuyển dụng hoặc sa thải. Trong bối cảnh đó, việc đẩy nhanh quá trình thắt chặt sẽ làm gia tăng rủi ro đối với tăng trưởng và thị trường lao động.

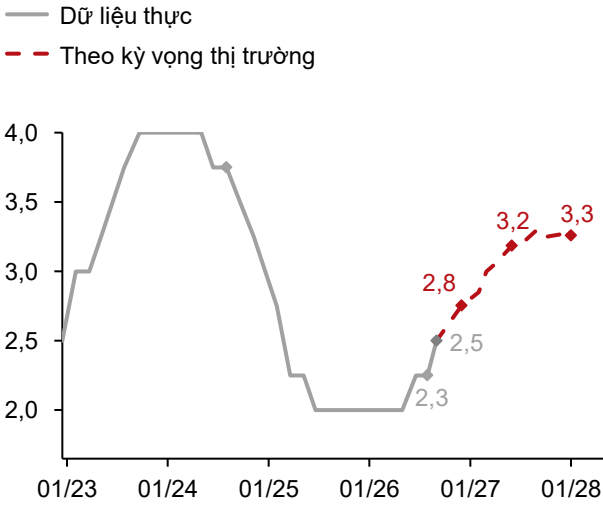
Hình 11: Lãi suất Fed

Đơn vị: %



Hình 12: Lãi suất ECB

Đơn vị: %, lãi suất tiền gửi



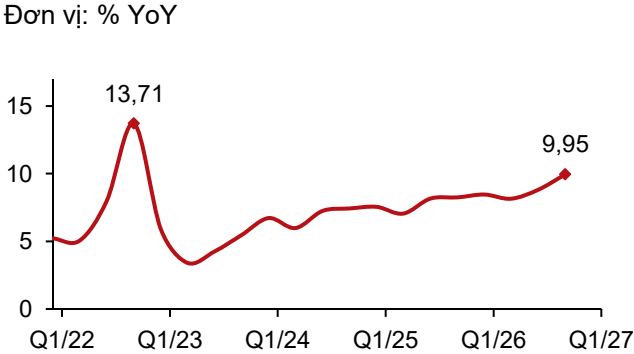
Kinh tế Việt Nam

Bất chấp những thách thức từ môi trường bên ngoài, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì khả năng chống chịu tốt với GDP quý 3 tăng 9,95% nhờ ba động lực chính. Xuất khẩu được hỗ trợ bởi làn sóng đầu tư AI, giúp nhóm điện tử tăng trưởng tích cực và đưa cán cân thương mại hàng hóa tháng 9 trở lại thặng dư. Trong khi đó, FDI giải ngân duy trì đà tăng mạnh và đầu tư công có dấu hiệu tăng tốc. Trên cơ sở đó, chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 lên 9,5%, phản ánh sức chống chịu tốt hơn của nền kinh tế

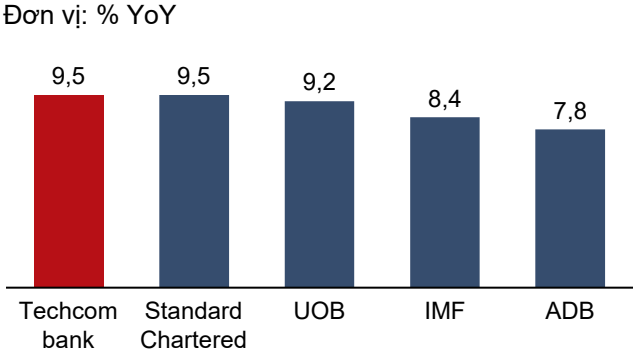
Khi căng thẳng địa chính trị đang chi phối bức tranh kinh tế toàn cầu, Việt Nam lại cho thấy sự chống chịu tốt

Tăng trưởng GDP Quý 3 năm 2026 đạt mức xấp xỉ 10% so với cùng kỳ (YoY), là mức tăng trưởng cao thứ 2 theo quý, chỉ sau quý 3 năm 2022 khi đây là thời điểm phục hồi từ nền thấp của Covid-19. Một điểm đáng chú ý là cơ cấu kinh tế đã có sự khác biệt: động lực dẫn dắt dịch chuyển sang phía sản xuất và công nghiệp-xây dựng với mức đóng góp vượt dịch vụ, vốn là trụ cột kinh tế của giai đoạn trước đây. Tính chung 9 tháng, tăng trưởng GDP cả nước tăng 9,01% YoY và để đạt mục tiêu cả năm 2026 là 10% thì quý 4/2026 sẽ cần đạt mức 12,5%-13%, một con số rất tham vọng trong bối cảnh toàn cầu vẫn phức tạp. Dẫu vậy, chúng tôi cho rằng điều này vẫn có thể đạt được nhờ vào 3 trụ cột chính vốn đang có đà tăng tốt. **Thứ nhất**, xuất khẩu dự kiến trong những tháng cuối năm tiếp tục tăng trưởng 2 chữ số khi nhu cầu nhập khẩu từ Mỹ cho các sản phẩm liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI) vẫn diễn ra sôi động. **Thứ hai**, dòng vốn FDI sẽ duy trì đà giải ngân vào Việt Nam như hiện tại, không loại trừ kịch bản giải ngân với tốc độ nhanh hơn, khi các “đại bàng điện tử” như Samsung, LG, Foxconn,... đang tạo đà cho các FDI khác xây dựng nhà máy tại Việt Nam. **Và cuối cùng** là giải ngân đầu tư công, động lực quan trọng nhất, cũng được kỳ vọng bứt phá trong Quý 4/2026, từ đó gia tăng đóng góp vào tăng trưởng. Dựa trên những động lực vừa nêu, chúng tôi nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam 2026 lên

Hình 13: Tăng trưởng GDP theo Quý



Hình 14: Dự báo GDP 2026 các tổ chức



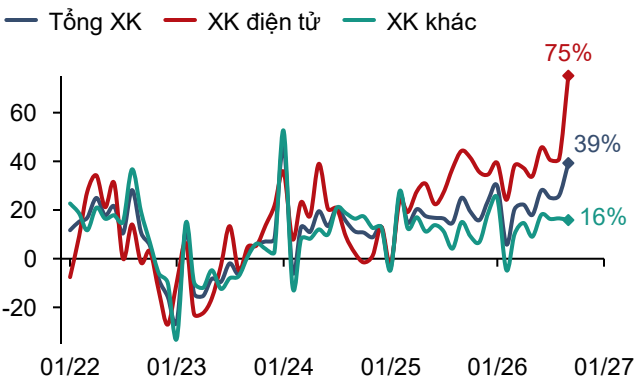
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Xuất siêu trở lại, triển vọng xuất khẩu dự kiến sẽ duy trì đà tăng trưởng tốt trong 3 tháng cuối năm

Mặc dù môi trường toàn cầu đang bị chi phối bởi căng thẳng địa chính trị nổi tiếp rủi ro thuế quan của Mỹ, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam vẫn cho thấy khả năng chống chịu tích cực. Cụ thể, tăng trưởng xuất khẩu tháng 9 tăng 39% YoY, là mức tăng cao nhất trong gần 3 năm qua. Đáng chú ý, nhóm điện tử trong tháng 9 tăng mạnh 75% YoY và riêng sản phẩm “máy vi tính và linh kiện điện tử” đã tăng gần 113% YoY, một mức tăng cao nhất trong lịch sử. Điều này phản ánh Việt Nam đang được hưởng lợi rất tốt từ làn sóng đầu tư vào AI toàn cầu khi đa phần các sản phẩm, theo dữ liệu HS code mà chúng tôi có được, đa phần tập trung vào các linh kiện phục vụ cho trung tâm dữ liệu (Data Center) cũng như phát triển phần mềm AI tại Mỹ. Bên cạnh đó, cán cân thương mại tháng 9 đã chuyển sang thặng dư sau một chuỗi dài thâm hụt kể từ tháng 12/2025, chủ yếu nhờ sự cải thiện của nhóm điện tử. Đào sâu hơn, chúng tôi nhận thấy sự phục hồi này không chỉ đến từ sản lượng mà còn từ yếu tố giá. Trong khi đơn giá một số đầu vào điện tử tăng mạnh so với cuối năm 2025 như CPU/GPU tăng 26%, chip nhớ (RAM) tăng tới 193% và các loại chip khác tăng 39%, đơn giá xuất khẩu nhiều sản phẩm điện tử cũng cải thiện đáng kể, với máy tính tăng 43% và linh kiện phục vụ cho Data center tăng 87%. Diễn biến này cho thấy xuất khẩu điện tử của Việt Nam đang được hỗ trợ đồng thời bởi cả sản lượng và đơn giá. Bên cạnh đó, xuất khẩu của 1 số mặt hàng truyền thống như may mặc, da giày,...cũng có cải thiện nhẹ về tăng trưởng trong tháng 9, phản ánh khả năng cạnh tranh thị phần của Việt Nam còn rất tốt khi so với các quốc gia sản xuất khác ngoài Trung Quốc. Nhìn về tương lai, chúng tôi duy trì dự báo xuất khẩu Việt Nam sẽ tiếp tục đạt mức tăng trưởng 2 chữ số nhờ vào động lực điện tử và sự cải thiện nhẹ của các mặt hàng khác.

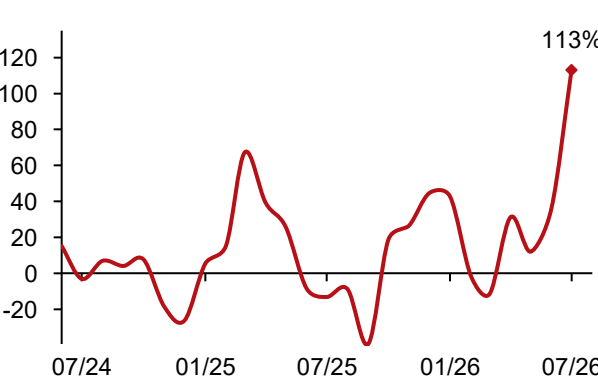
Hình 15: Tăng trưởng xuất khẩu Việt Nam

Đơn vị: % YoY



Hình 16: Tăng trưởng đơn giá sang Mỹ

Đơn vị: % YoY, sản phẩm “thu truyền dữ liệu”



Nguồn: GSO, Tổng cục Hải quan, Trademap, Báo chí, Phân tích của TCB CIBG Market Research

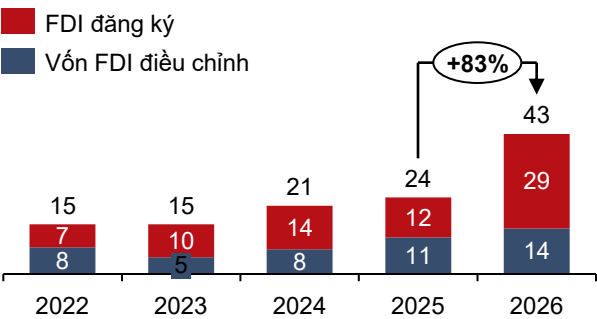
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Năng lực cạnh tranh vượt trội cùng chiến lược “China+1” tiếp tục hỗ trợ dòng vốn FDI vào Việt Nam

Trong trung và dài hạn, chúng tôi kỳ vọng FDI vào Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ sự cộng hưởng của ba động lực chính. **Thứ nhất**, xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và chiến lược "China+1" tiếp tục thúc đẩy các tập đoàn đa quốc gia mở rộng hiện diện tại Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu ngành như Samsung, Foxconn, Luxshare, Amkor và Intel không chỉ gia tăng năng lực sản xuất mà còn từng bước dịch chuyển sang các khâu giá trị gia tăng cao hơn như đóng gói - kiểm thử bán dẫn (OSAT), linh kiện điện tử và vật liệu bán dẫn. **Thứ hai**, Việt Nam vẫn duy trì năng lực cạnh tranh vượt trội so với nhiều đối thủ trong khu vực nhờ chi phí lao động và điện năng cạnh tranh, lực lượng lao động công nghiệp quy mô lớn, độ mở thương mại cao cùng mạng lưới FTA rộng khắp. **Thứ ba**, Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư hạ tầng và cải cách thể chế nhằm nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, đồng thời chuyển định hướng từ thu hút FDI theo số lượng sang ưu tiên các dự án công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và có hàm lượng giá trị gia tăng lớn. Mặc dù một số lợi thế truyền thống như chi phí đất đai và chi phí lao động sản xuất đang dần thu hẹp, các cải cách về thể chế, hạ tầng logistics và năng lượng được kỳ vọng sẽ bù đắp những hạn chế này, giúp Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn quốc tế. Nhờ đó, triển vọng FDI trong dài hạn vẫn tích cực, với dòng vốn không chỉ gia tăng về quy mô mà còn được nâng cao về chất lượng, đóng góp mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế và quá trình nâng cấp vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

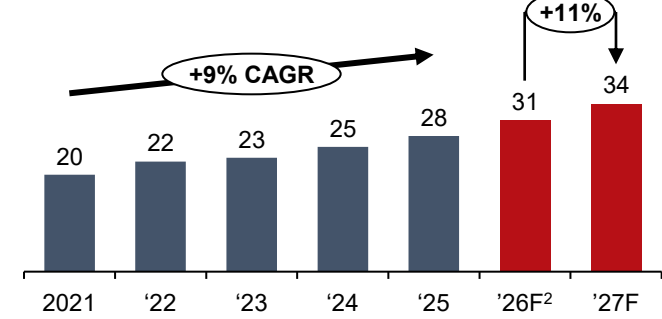
Hình 18: Tăng trưởng tổng FDI đăng ký 9M

Đơn vị: % YTD YoY



Hình 19: Dự báo giải ngân FDI vào Việt Nam

Đơn vị: Tỷ USD



Đầu tư công tiếp tục là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế

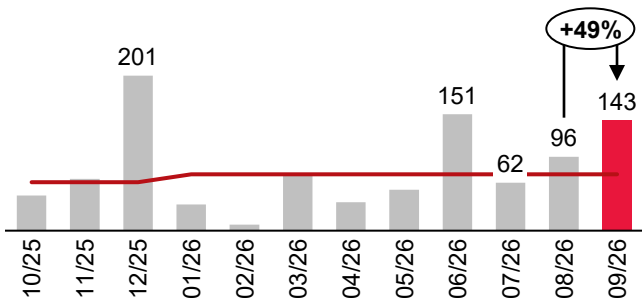
Đầu tư công đang đóng vai trò động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế. Theo Bộ Tài chính, giải ngân đầu tư công 9T2026 đạt 657 nghìn tỷ đồng, tăng 49,3% so với cùng kỳ và hoàn thành 63% kế hoạch năm, cho thấy tiến độ triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm tiếp tục được đẩy mạnh.

Nguồn: GSO, Bộ Tài chính, TradingEconomics, Báo chí, Phân tích của TCB CIBG Market Research

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

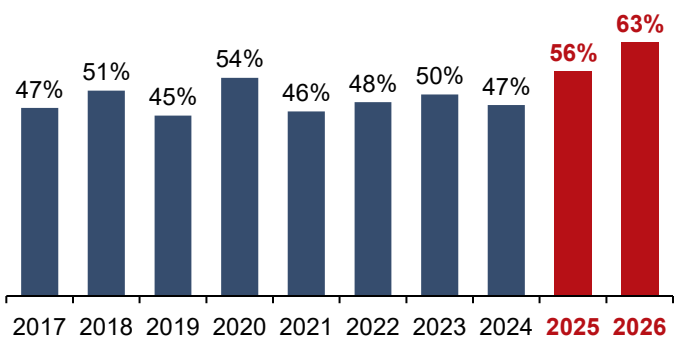
Hình 20: Giải ngân đầu tư công theo từng tháng

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



Hình 21: Tỷ lệ giải ngân đầu tư công so với kế hoạch

Đơn vị: %, 9 tháng đầu năm của các năm



Giải ngân đầu tư công tăng tốc, hỗ trợ thanh khoản tiền VND

Chúng tôi kỳ vọng đà giải ngân này sẽ tiếp tục được duy trì trong quý còn lại của năm nhờ quyết tâm cao của Chính phủ trong việc hoàn thành 100% kế hoạch đầu tư công. Chính phủ đã triển khai cơ chế chấm điểm KPI giải ngân và gắn trách nhiệm trực tiếp với người đứng đầu các bộ, ngành, địa phương; đồng thời kiên quyết điều chuyển vốn từ các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn. Bên cạnh đó, các nút thắt về vật liệu xây dựng cũng đang được tháo gỡ thông qua cơ chế điều phối nguồn cung liên vùng. Bên cạnh tác động tới tăng trưởng, giải ngân đầu tư công mạnh cũng hỗ trợ thanh khoản hệ thống ngân hàng. Khi chi đầu tư công được đẩy mạnh, ngân sách Nhà nước chuyển sang trạng thái thâm hụt, qua đó bơm một lượng tiền đáng kể trở lại nền kinh tế thông qua các nhà thầu xây dựng, doanh nghiệp vật liệu và các đơn vị tham gia dự án. Nhờ đó, thanh khoản tiền VND trong hệ thống được cải thiện và áp lực lên mặt bằng lãi suất được giảm bớt.

Đầu tư công và tư nhân bước vào chu kỳ tăng tốc, thúc đẩy tăng trưởng trong thời gian tới

Trong trung hạn, đầu tư công và đầu tư tư nhân được kỳ vọng bước vào chu kỳ tăng tốc mới. Theo chúng tôi ước tính, tổng vốn đầu tư khu vực công và tư nhân giai đoạn 2026-2030 dự kiến tăng khoảng 91% so với giai đoạn 2021-2025, trong đó các lĩnh vực hạ tầng giao thông, năng lượng, sân bay và cảng biển đóng vai trò dẫn dắt. Việc đẩy mạnh đầu tư hạ tầng không chỉ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn mà còn góp phần nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng quốc gia, giảm chi phí logistics, cải thiện kết nối vùng và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Quan trọng hơn, các dự án hạ tầng quy mô lớn còn tạo ra hiệu ứng lan tỏa rộng khắp, thúc đẩy đầu tư tư nhân, thu hút FDI và mở rộng dư địa tăng trưởng dài hạn cho nhiều ngành nghề khác.

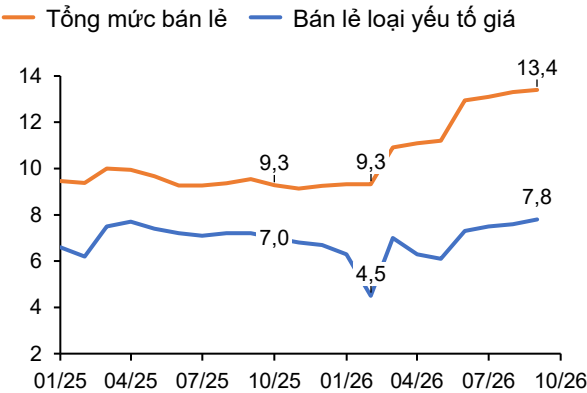
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Mặc dù tiêu dùng nội địa đang dần phục hồi, mức độ cải thiện vẫn chưa tương xứng với đà tăng của các động lực khác như xuất khẩu, FDI và đầu tư công, khiến đây tiếp tục là rủi ro hàng đầu đối với triển vọng tăng trưởng

Tiêu dùng nội địa tiếp tục cải thiện so với năm trước nhưng đà phục hồi vẫn chưa thực sự bùng nổ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng đầu năm tăng 13,4%, cao hơn mức 9,5% cùng kỳ năm trước. Trong đó, bán lẻ hàng hóa, chiếm khoảng 73% tổng doanh số, tăng 12,8%. Các hoạt động dịch vụ cũng duy trì tăng trưởng tích cực, với doanh thu lưu trú - ăn uống và lẻ hành tăng lần lượt 16,7% và 17,9%, nhờ sự phục hồi mạnh của ngành du lịch khi lượng khách quốc tế đạt 17,7 triệu lượt, tăng 14,5% YoY và là mức cao nhất trong cùng kỳ kể từ sau Covid-19. Tuy nhiên, nếu loại trừ yếu tố giá, sức mua thực tế chỉ tăng 7,8%, cao hơn mức 7,2% của cùng kỳ năm 2025 nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với mức bình quân 8-9% trong giai đoạn trước Covid-19. Điều này cho thấy nhu cầu tiêu dùng đang phục hồi nhưng chưa đủ mạnh để tạo ra sự bùng nổ rõ rệt. Trong thời gian tới, tiêu dùng trong nước được kỳ vọng tiếp tục cải thiện nhờ chính sách giảm 30% thuế đối với cá nhân, hộ kinh doanh và doanh nghiệp có doanh thu dưới 10 tỷ đồng. Với nghị định hướng dẫn dự kiến được ban hành trong tháng 10, chính sách này có thể sớm phát huy tác động hỗ trợ sức mua và hoạt động kinh doanh.

Hình 22: Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa dịch vụ

Đơn vị: % YTD YOY

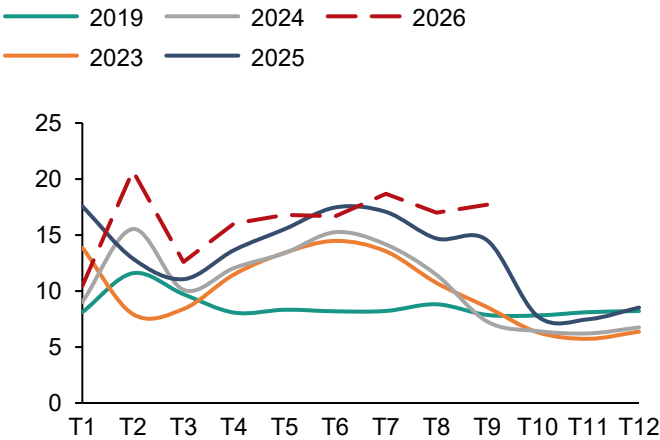


Lạm phát vẫn là một rủi ro cần theo dõi đối với triển vọng tăng trưởng, khi giá dầu duy trì ở vùng cao có thể ảnh hưởng đến sức mua và nhu cầu trong nước

Việc giá dầu duy trì ở vùng cao và khó hạ nhiệt có thể đẩy mặt bằng giá cả tăng lên, qua đó ảnh hưởng đến sức mua của khu vực hộ gia đình và làm suy yếu một trong những động lực quan trọng của tăng trưởng là tiêu dùng nội địa. Chúng tôi duy trì dự báo lạm phát bình quân năm 2026 trong khoảng 4,5-4,8%, dù áp lực giá cả được dự báo sẽ gia tăng trong những tháng cuối năm. Trong đó, giá dầu duy trì ở mức cao và khó hạ nhiệt trong ngắn hạn tiếp tục là yếu tố quan trọng nhất tạo sức ép lên lạm phát. Riêng trong tháng 9, CPI tăng 0,62% MoM, chủ yếu do tác động...

Hình 23: Khách du lịch theo từng tháng các năm

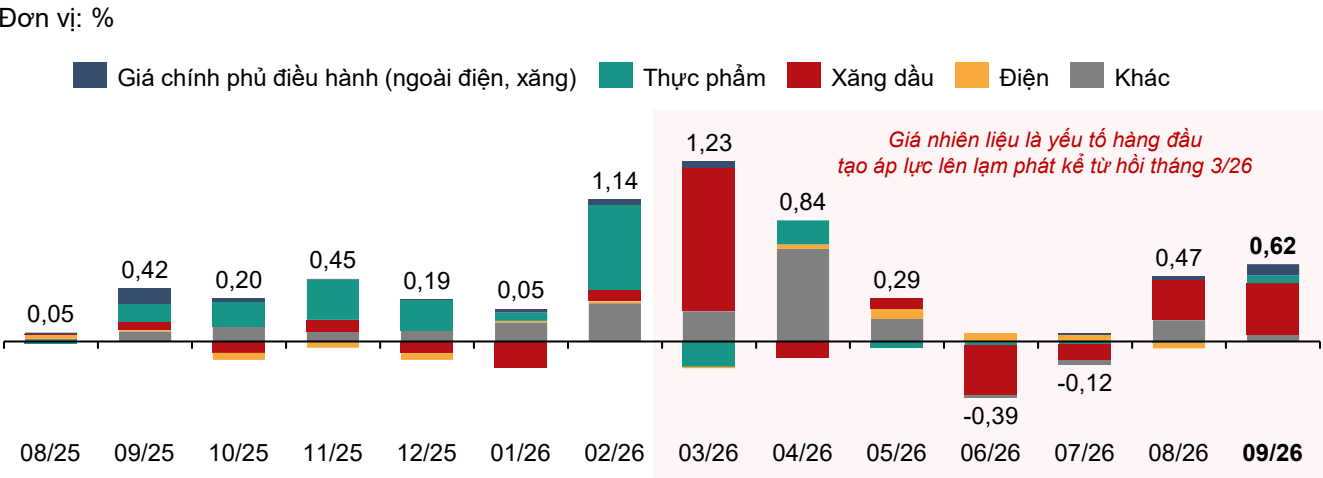
Đơn vị: Triệu lượt, tổng quốc tế và nội địa



Kinh tế Việt Nam (tiếp)

...từ nhóm nhiên liệu, đóng góp khoảng 0,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Bên cạnh đó, một số nhóm hàng có tính mùa vụ cũng ghi nhận mức tăng đáng kể như giáo dục, do các trường điều chỉnh học phí cho năm học mới, và thực phẩm, khi mưa lớn kéo dài ảnh hưởng đến nguồn cung nông sản, đẩy giá rau tăng cao. Tính chung 9 tháng đầu năm 2026 (9M26), CPI bình quân tăng 4,52% YoY, tiệm cận ngưỡng mục tiêu kiểm soát lạm phát của Chính phủ. Trong thời gian còn lại của năm, giá nhiên liệu nhiều khả năng tiếp tục tạo áp lực lên mặt bằng giá khi căng thẳng địa chính Mỹ - Iran chưa có dấu hiệu hạ nhiệt rõ ràng. Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, lạm phát cả năm vẫn có khả năng duy trì trong ngưỡng kiểm soát nhờ các biện pháp điều hành giá chủ động của cơ quan quản lý. Việc chưa điều chỉnh giá điện cùng chủ trương điều chỉnh giá y tế theo lộ trình phù hợp được kỳ vọng sẽ góp phần hạn chế áp lực lên mặt bằng giá các tháng cuối năm.

Hình 24: Đóng góp vào mức tăng CPI hàng tháng



Mặt bằng lãi suất huy động dự kiến đi ngang đến hết năm 2026

Mặc dù thanh khoản ngắn hạn của hệ thống nhìn chung khá dồi dào, thể hiện qua mặt bằng lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn duy trì ở mức thấp, lãi suất các kỳ hạn từ 2-3 tháng vẫn dao động quanh 6,5-7,8%. Diễn biến này phản ánh tâm lý thận trọng của các ngân hàng đối với triển vọng thanh khoản trong những tháng tới, với áp lực chủ yếu đến từ nhu cầu tín dụng thường tăng mạnh vào giai đoạn cuối năm theo yếu tố mùa vụ, cùng việc các khoản thuế được gia hạn với quy mô khoảng 125 nghìn tỷ đồng sẽ đến hạn nộp. Dù vậy, chúng tôi cho rằng các áp lực này vẫn trong tầm kiểm soát. Tiến độ giải ngân đầu tư công đang được đẩy mạnh sẽ hỗ trợ phần nào thanh khoản. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước vẫn còn dư địa lớn để hỗ trợ hệ thống ngân hàng thông qua các công cụ điều tiết như nghiệp vụ thị trường mở (OMO), tái cấp vốn và hoán đổi ngoại tệ (FX Swap),...

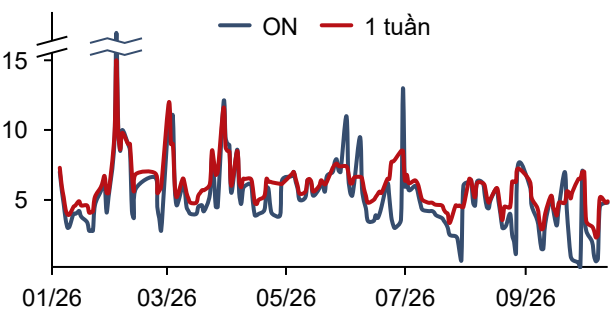
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

...tương tự những biện pháp đã được sử dụng cuối tháng 9.

Đối với lãi suất huy động, chúng tôi kỳ vọng mặt bằng lãi suất sẽ tiếp tục đi ngang đến hết năm 2026. Theo ước tính của chúng tôi, chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động đến cuối tháng 9 đã thu hẹp đáng kể so với cuối tháng 8. Diễn biến này cũng đồng nhất với tốc độ giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh thời gian gần đây. Do đó, nếu tiến độ giải ngân tiếp tục được duy trì trong các tháng cuối năm có thể hỗ trợ mặt bằng lãi suất huy động duy trì ổn định đến cuối năm 2026.

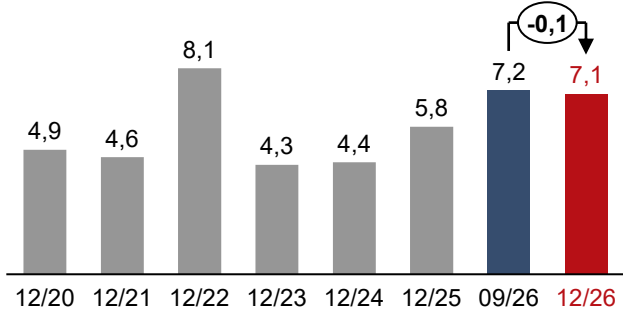
Hình 25: Lãi suất liên ngân hàng

Đơn vị: %



Hình 26: Lãi suất huy động 6T của G8*

Đơn vị: %, bình quân trọng số của 8 NHTM CP



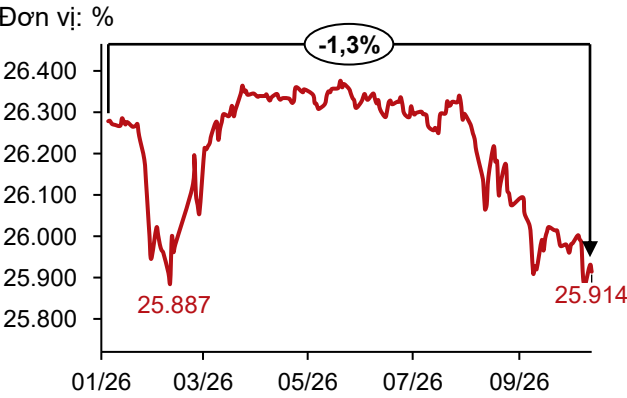
Tỷ giá USD/VND có khả năng duy trì ổn định quanh ngưỡng 26.000

Chúng tôi tiếp tục giữ quan điểm tỷ giá USD/VND sẽ duy trì tương đối ổn định trong những tháng cuối năm và chỉ mất giá nhẹ khoảng 1% so với thời điểm cuối năm 2025. Theo đó, tỷ giá được kỳ vọng dao động quanh ngưỡng 26.000 từ nay đến cuối năm, nhờ sự hỗ trợ của nhiều yếu tố thuận lợi. **Thứ nhất**, chênh lệch lãi suất giữa VND* và USD được kỳ vọng tiếp tục duy trì ở mức trên 3 điểm phần trăm, ngay cả khi Fed có thể tiếp tục tăng lãi suất vào tháng 12. Mặt bằng chênh lệch lãi suất này kỳ vọng sẽ tiếp tục khuyến khích dòng vốn ngoại tệ vào Việt Nam, hỗ trợ sự ổn định của tỷ giá. **Thứ hai**, nhu cầu vốn cho các dự án hạ tầng trọng điểm cũng thúc đẩy việc đa dạng hóa nguồn tài trợ từ cả thị trường trong nước và quốc tế. Khi đó, hoạt động huy động vốn nước ngoài được kỳ vọng sẽ bổ sung nguồn cung USD cho nền kinh tế. **Thứ ba**, việc dòng vốn FDI tăng trưởng tốt sẽ tiếp tục tạo nguồn cung ngoại tệ ổn định cho nền kinh tế. Cụ thể, giá trị giải ngân trong 9 tháng đầu năm đạt mức kỷ lục 21,1 tỷ USD, tăng 12% YoY. **Cuối cùng**, dòng kiều hối, nguồn cung ngoại tệ có tính ổn định và thường xuất hiện vào những tháng cuối năm, được kỳ vọng tiếp tục hỗ trợ thị trường ngoại hối. Tổng hợp các yếu tố trên, chúng tôi cho rằng tỷ giá USD/VND sẽ tiếp tục duy trì trạng thái ổn định tương đối trong phần còn lại của năm.

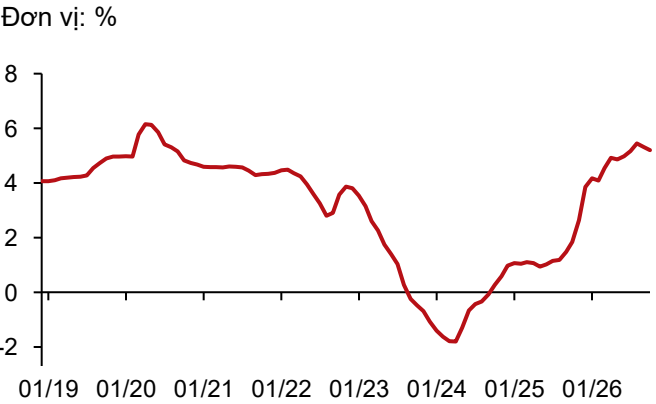
Ghi chú: (*) Lãi suất VND được ước tính dựa trên kỳ hạn gửi tiền 6 tháng của nhóm 8 ngân hàng (G8) gồm TCB, MBB, VPB, VIB, TPB, ACB, STB, MSB
Nguồn: Tổng cục Thống kê (NSO), Phân tích của TCB CIBG Research

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

Hình 25: Tỷ giá USDVND liên ngân hàng



Hình 26: Chênh lệch lãi suất VND* - USD



Ghi chú: (*) Lãi suất VND được ước tính dựa trên kỳ hạn gửi tiền 6 tháng của nhóm 8 ngân hàng (G8) gồm TCB, MBB, VPB, VIB, TPB, ACB, STB, MSB

Nguồn: Refinitiv, Ngân hàng Nhà nước, Nghiên cứu báo chí, Phân tích của TCB CIBG Research

17

Phụ lục

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính thế giới

Chi báo	Quốc gia	Đơn vị	2025	2025				2026								
				09	10	11	12	01	02	03	04	05	06	07	08	09
Tăng trưởng GDP thực	Mỹ	%, YoY, hàng quý	2,1	2,3			2,0			2,7			1,5			
	EU	%, YoY, hàng quý	1,4	1,2			0,8			0,6			1,0			
	Trung Quốc	%, YoY, hàng quý	5,0	4,8			4,5			5,0			4,3			
	Nhật Bản	%, YoY, hàng quý		0,6			0,1						1,1			
CPI	Mỹ	%, YoY, hàng tháng	2,7	3,0		2,7	2,7	2,4	2,4	3,3	3,8	4,2	3,5	3,4	3,4	
	EU	%, YoY, hàng tháng	2,1	2,2	2,1	2,1	2,0	1,7	1,9	2,6	3,0	3,2	2,8	2,9	3,3	
	Trung Quốc	%, YoY, hàng tháng	0,1	-0,3	0,2	0,7	0,8	0,2	1,3	1,0	1,2	1,2	1,0	0,5	0,8	
	Nhật Bản	%, YoY, hàng tháng	3,2	2,9	3,0	2,9	2,1	1,5	1,3	1,5	1,4	1,5	1,7			
Lãi suất chính sách Fed		%, cuối tháng	3,75	4,25	4,00	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	4,00
DXY		Chỉ số, trung bình hàng tháng	100,8	97,7	98,8	99,7	98,6	98,3	97,4	99,5	98,8	98,7	100,3	100,9	99,4	101,5
USDCNY		Chỉ số, trung bình hàng tháng	7,2	7,12	7,12	7,11	7,04	6,97	6,91	6,89	6,84	6,80	6,78	6,78	6,74	6,71
Lãi suất TPCP Mỹ 10 năm		%, trung bình hàng tháng	4,3	4,12	4,05	4,09	4,14	4,21	4,12	4,25	4,31	4,48	4,47	4,55	4,68	4,97
Giá dầu WTI		USD/thùng, trung bình hàng tháng	64,7	63,5	60,1	59,5	57,9	60,3	64,5	91,0	98,67	98,51	81,79	79,22	82,45	95,69

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam

Chi báo	Đơn vị	2025	2025				2026									Dự báo
			09	10	11	12	01	02	03	04	05	06	07	08	09	2026
Tăng trưởng GDP thực	%, hàng quý, YoY	8,0	8,25	-	-	8,46	-	-	7,94	-	-	8,39				9,50
IIP	%, hàng tháng, YoY	9,23	13,59	10,44	10,76	10,10	21,5	0,60	7,20	9,30	10,14	12,71	14,47	14,41	16,70	-
Lạm phát	%, hàng tháng, YoY	3,3	3,38	3,25	3,58	3,48	2,53	3,35	4,65	5,46	5,60	4,79	4,45	4,89	5,08	4,74
Tổng mức bán lẻ	%, hàng tháng, YoY	9,2	11,3	7,2	7,1	9,8	9,3	9,3	12,1	12,1	11,8	14,8	14,5	14,9	14,12	-
FDI đăng ký	tỷ USD, hàng tháng	31,4	2,0	2,5	1,4	3,8	2,4	3,2	7,0	2,7	5,3	7,8	3,0	2,5	9,5	-
FDI giải ngân	tỷ USD, hàng tháng	27,6	3,4	2,5	2,3	4,0	1,7	1,1	2,2	2,0	2,4	3,3	2,2	2,1	3,8	-
Xuất khẩu	tỷ USD, hàng tháng	475,0	42,8	42,3	39,1	44,9	43,2	33,2	46,6	45,6	47,1	50,9	53,0	55,3	59,5	-
Nhập khẩu	tỷ USD, hàng tháng	455,0	39,9	39,5	38,2	45,4	45,0	34,4	47,2	49,1	53,8	53,7	56,9	55,2	58,4	-
Cán cân thương mại	tỷ USD, hàng tháng	20,0	2,8	2,7	1,0	-0,5	-1,8	-1,2	-0,7	-3,5	-6,7	-2,8	-3,9	-0,1	1,0	-
Tăng trưởng huy động	%, YTD	-	10,8	-	-	-	-0,1	-0,5	0,6	1,9	3,1	5,8	6,1			16,4
Tăng trưởng tín dụng	%, YTD	19,0	13,9	15,3	16,9	19,1	1,2	1,3	3,2	4,6	6,0	8,4	9,0	10,2		18,0
Lợi suất TPCP 10 năm	%, trung bình hàng tháng	3,4	3,57	3,73	3,85	3,98	4,09	4,10	4,19	4,23	4,25	4,36	4,40	4,43	4,46	4,33
Lãi suất liên ngân hàng 1W	%, trung bình hàng tháng	4,9	4,8	5,2	5,6	7,2	5,1	8,1	7,0	6,3	6,5	6,5	5,0	5,5	4,9	5,8
Lãi suất huy động 6 tháng*	%, trung bình hàng tháng	4,7	4,7	4,7	4,9	5,5	6,0	6,0	6,8	6,7	6,8	6,9	7,0	7,1	7,2	6,6
USDVND	trung bình hàng tháng	26.027	26.398	26.347	26.349	26.332	26.219	26.014	26.291	26.337	26.340	26.321	26.296	26.157	25.991	26.166

Ghi chú: (*) Bình quân gia quyền của 8 ngân hàng: TCB, MBB, VPB, VIB, TPB, ACB, STB, MSB
Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, Refinitiv, Ngân hàng Nhà nước, VBMA, Phân tích của TCB CIBG Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này (“**Báo cáo**”) do Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) soạn thảo nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Khách hàng của Techcombank. Khách hàng có thể sao chép hoặc trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hay toàn bộ Báo cáo này với điều kiện việc sao chép, trích dẫn phải tôn trọng, đảm bảo giữ đúng nội dung và ghi chú rõ ràng nguồn thông tin Báo cáo. Khách hàng chịu mọi trách nhiệm về việc sao chép, trích dẫn của mình cũng như các nội dung sao chép, trích dẫn không tuân thủ nguyên tắc nêu trên.

Báo cáo này được xây dựng dựa trên các ý kiến chuyên nghiệp được đưa ra một cách cẩn trọng, độc lập và căn cứ vào các nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào ngày ban hành Báo cáo này. Tuy nhiên, mọi nhận định trong báo cáo này chỉ là ý kiến riêng Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính, không đại diện cho ý kiến của Ban lãnh đạo Ngân hàng và cũng hoàn toàn không có định hướng nào về kết quả hoạt động của Techcombank. Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính không cam kết và bảo đảm về sự chính xác, kịp thời, hoàn chỉnh và ổn định của các thông tin trong báo cáo dưới bất kỳ tình huống nào, cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin sau khi báo cáo được phát hành.

Báo cáo này không phải là và không được coi là hoạt động tư vấn hoặc là các khuyến nghị hoặc ý kiến tư vấn đầu tư, tài chính, tư vấn mua, bán bất kỳ sản phẩm nào hoặc tư vấn cho bất cứ hoạt động kinh doanh nào và không nhằm mục đích phục vụ lợi ích của bất kỳ cá nhân/tổ chức nào, bao gồm cả Techcombank và/hoặc các chi nhánh và công ty con của Techcombank. Khách hàng được khuyến cáo nên coi những thông tin được cung cấp trong báo cáo như là một nguồn thông tin tham khảo và Khách hàng nên sử dụng dịch vụ tư vấn, luật sư chuyên nghiệp khi đưa ra các quyết định kinh doanh, đầu tư của mình. Techcombank, tác giả báo cáo, lãnh đạo và/hoặc nhân viên của Techcombank không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất cứ cá nhân, tổ chức nào liên quan đến báo cáo này trong bất kỳ tình huống nào.

Nếu khách hàng có bất kỳ bình luận, câu hỏi hoặc mối quan tâm đặc biệt nào về các thông tin đề cập trong báo cáo xin liên hệ với chúng tôi theo thông tin liên hệ sau:

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính
nhóm Ngân hàng Doanh nghiệp và Định chế Tài chính

TECHCOMBANK

Địa chỉ: 6 Quang Trung, P. Cửa Nam, Hà Nội

Email: Tckh.ptkt@techcombank.com.vn

Website: <https://techcombank.com/thong-tin/nguyen-cuu>